

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 06/2020



MỤC LỤC tháng 06/2020

1

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- Hỏi đáp.
- Các công văn liên quan đến chính sách thuế.

2

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

- Mục đích kết chuyển lãi lỗ đầu năm để làm gì? Tại sao phải làm vậy?
- Hướng dẫn Hạch toán kế toán sau khi thanh kiểm tra thuế.
- Mẹo quyết toán thuế TNDN mà kế toán cần nắm chắc trong lòng bàn tay.

3

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

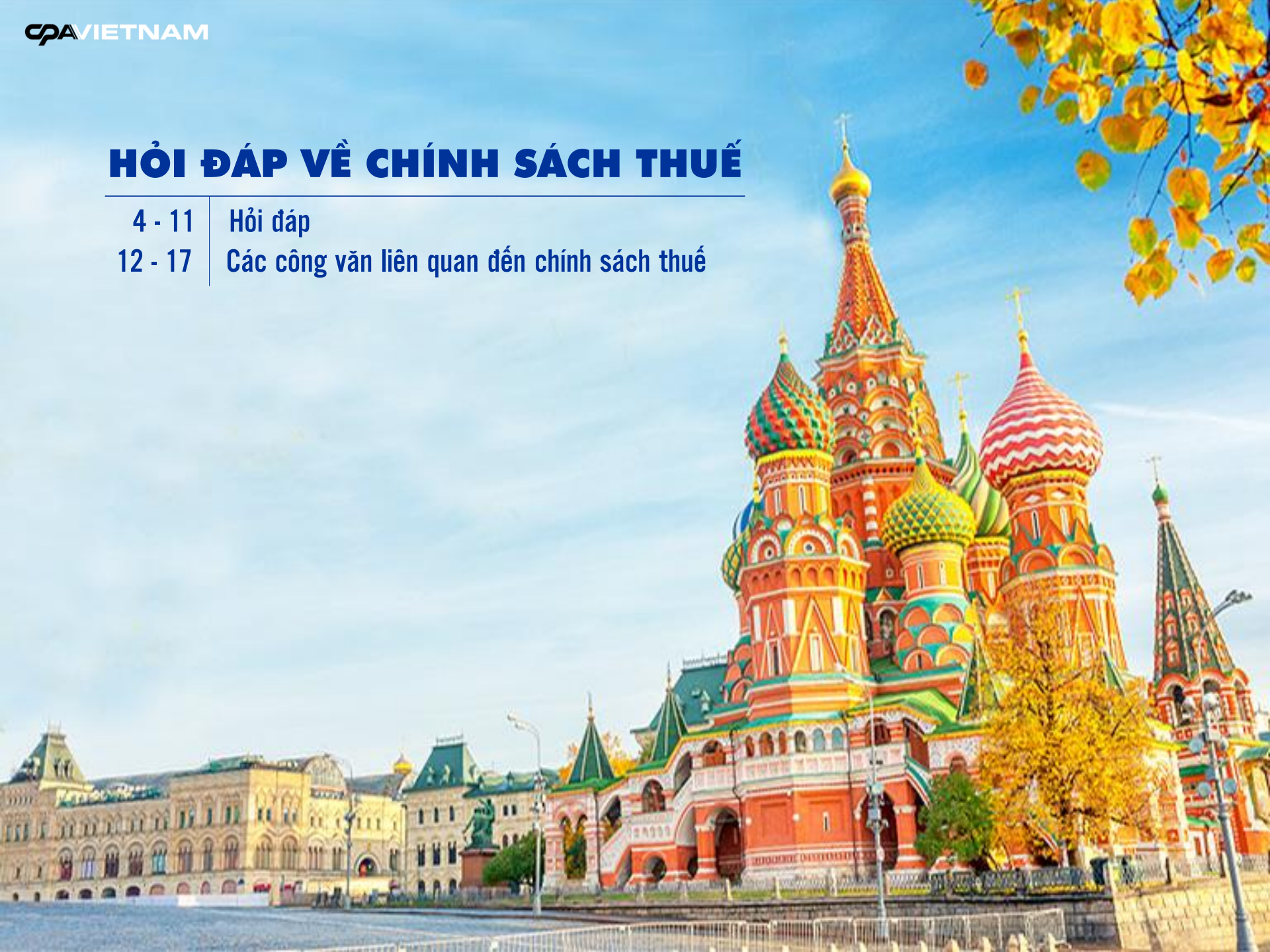
- Thông tư số:22/2020/TT-BTC ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số:28/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số:34/2020/TT-BTC ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính.

4

DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 06/2020

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

4 - 11	Hỏi đáp
12 - 17	Các công văn liên quan đến chính sách thuế



HỎI ĐÁP

1. Hỏi:

Kính gửi: Bộ Tài chính: Theo hướng dẫn tại điểm 3, điều 15, Thông tư 162/2014/TT-BTC "Căn cứ tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định quy định tại Thông tư này; cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện rà soát, loại bỏ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ra khỏi danh mục tài sản cố định để theo dõi, quản lý, sử dụng như quản lý công cụ, dụng cụ lâu bền". Hiện nay, Thông Tư 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 thay thế TT 162/2014/TT-BTC không có quy định nội dung này. Tôi có câu hỏi: Hiện nay có được phéo chuyển từ TSCĐ sang Công cụ dụng cụ không? nếu được phép thì căn cứ văn bản nào? Xin trân trọng cảm ơn.

**Trả lời:**

Tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính quy định: "Điều 15. Xử lý chuyển tiếp

... 3. Căn cứ tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định quy định tại Thông tư này; cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện rà soát, loại bỏ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ra khỏi danh mục tài sản cố định để theo dõi, quản lý, sử dụng như quản lý công cụ, dụng cụ lâu bền."

Quy định nêu trên nhằm xử lý chuyển tiếp cho các tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính (do có thay đổi về tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC và các quy định trước Thông tư số 162/2014/TT-BTC về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước).

Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính không thay đổi so với quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC. Do đó, tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC không còn quy định xử lý chuyển tiếp đối với các trường hợp như quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 162/2014/TT-BTC.

HỎI ĐÁP

2. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính! Tôi xin hỏi về cách lập báo cáo LCTT theo Thông tư số 99/2018/TT-BTC với nội dung sau: Theo Thông tư số 99/2018/TT_BTC khi lập LCTT chỉ tiêu lãi lỗ chênh lệch tỷ giá và chỉ tiêu lãi lỗ từ các khoản đầu tư đã bỏ so với thông tư 107/2017. Mà chỉ có chỉ tiêu Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tiền thu từ các hoạt động đầu tư như vậy khi bù trừ chỉ tiêu trên bằng 0 nhưng thực tế vẫn có nghiệp vụ phát sinh. Nhưng trường hợp nếu chỉ tiêu có lãi / lỗ từ hoạt động đầu tư mà chưa thu được tiền thì chỉ tiêu đó sẽ phản ánh vào đâu. Tôi xin chân thành cảm ơn

**Trả lời:**

Thông tư số 99/2018/TT-BTC về hướng dẫn lập BCTC tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên hướng dẫn lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp đối với luồng tiền từ hoạt động chính theo phương pháp gián tiếp, theo đó đơn vị căn cứ số liệu các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp để điều chỉnh luồng tiền của hoạt động chính trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, luồng tiền từ hoạt động chính được xác định bằng việc điều chỉnh thặng dư, thâm hụt với các chỉ tiêu ảnh hưởng đến nó nhưng không phát sinh dòng tiền.

Thông tư số 99/2018/TT-BTC không hướng dẫn đơn vị thực hiện phương pháp tổng hợp Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp dưới lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC, đồng thời không quy định việc so sánh đối chiếu chỉ tiêu trên 2 báo cáo này.

HỎI ĐÁP

3. Hỏi:

Tôi làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, tiền thân là Công ty Khai thác, chế biến và xuất khẩu Titan, lĩnh vực hoạt động chính là khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản. Căn cứ ngành nghề sản xuất kinh doanh chính và công việc thực tế đơn vị đã chuyển xếp lương, nâng lương cho CBCNV theo thang, bảng lương của Nghị định 26/1993/NĐ-CP ngày 23/5/1993, Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hiện tại, trong sổ BHXH của người lao động chưa được ghi đúng tên gọi theo quy định tại các văn bản của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội đối với công việc nặng nhọc, độc hại... nhưng các thang, bảng, lương, hệ số, nhóm, ngạch lương.... đơn vị đã xếp đúng theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh, do đó ảnh hưởng đến chế độ chính sách (nhất là chế độ hưu trí trước tuổi). Vậy, đơn vị cần làm gì để cơ quan BHXH đồng ý cho điều chỉnh chức danh nghề trong sổ BHXH cho người lao động? Với mỗi CBCNV đơn vị đã có các quyết định chuyển xếp, nâng lương có ghi rõ ngạch, nhóm, bậc, hệ số từng người nhưng chưa ghi rõ chức danh công việc.

Trả lời:

Bảo hiểm xã hội Việt Nam trả lời vấn đề này như sau:

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 27 quy trình và Mục 2 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 ban hành quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN. Quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, thành phần hồ sơ đề nghị điều chỉnh làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trước năm 1995 bao gồm: Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS).

Hồ sơ kèm theo gồm 1 trong các loại giấy tờ sau: Quyết định phân công vị trí công việc, hưởng lương; Hợp đồng lao động, Hợp đồng làm việc và các giấy tờ khác có liên quan đến việc điều chỉnh.

HỎI ĐÁP

4. Hỏi:

Cho tôi hỏi? Đơn vị của tôi có một lao động nữ, đóng BHXH được 25 năm, đến ngày 9/6/2020 đủ 55 tuổi về hưu. Tháng 6/2020 đơn vị của tôi có phải đóng BHXH cho lao động này nữa không? Khi nào đơn vị ra quyết định cho lao động nữ nghỉ việc hưởng hưu trí, trước hay trong tháng 6/2020?



Trả lời:

Bảo hiểm xã hội TP. Hồ Chí Minh trả lời vấn đề này như sau:

Tại khoản 1 Điều 18 TT số 59/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, quy định thời điểm hưởng lương hưu là ngày 1 tháng liền kề sau tháng sinh nhật của năm mà người lao động đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu. Do vậy, đơn vị phải đóng BHXH cho người lao động đến 6/2020.

Tại khoản 1 Điều 110 Luật BHXH số 58/2014/QH13, trong thời hạn 30 ngày tính đến thời điểm người lao động được hưởng lương hưu, người sử dụng lao động nộp hồ sơ cho cơ quan BHXH.

5. Hỏi:

Cơ quan tôi được giao làm chủ đầu tư một dự án nhóm B, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh đã được phê duyệt vào T1/2020. Cơ quan tôi đã lựa chọn nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh trong QI/2020 và đang trình Sở Xây dựng thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công. Cơ quan tôi trình Sở Kế hoạch và Đầu tư xin điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu (điều chỉnh thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu của các gói thầu còn lại là từ QI/2020 sang QII/2020). Xin hỏi, để trình hồ sơ xin điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu như trên có bắt buộc phải có Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh không?



Trả lời:

Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng trả lời như sau:

Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu quy định: "Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt cho nội dung điều chỉnh này mà không phải lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt lại cho nội dung khác đã được phê duyệt trước đó...".

Theo đó, trường hợp thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh đã được phê duyệt, không thuộc nội dung điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì không bắt buộc phải phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh.

HỎI ĐÁP

6. Hỏi:

Kính gửi quý Bộ! Công tác thi công cọc được hướng dẫn áp dụng tại Chương III Thông tư số 10/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng. Xin hỏi, dự toán công tác đóng cọc ván thép, cọc ống thép, cọc thép hình (phần không ngập đất) được tính như thế nào là phù hợp (có phân biệt ngập đất hay không ngập đất không)? Có được phép tính dự toán hay không và định mức áp dụng như thế nào (nếu có)? Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 10/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định: “Trường hợp dự án được quản lý theo hình thức chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện năng lực để trực tiếp quản lý dự án, chi phí quản lý dự án xác định theo định mức ban hành tại bảng số 1.1 của Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư này và điều chỉnh với hệ số $k = 0,8$ ”. Đề nghị cơ quan chức năng giải đáp, các trường hợp sau có nhân hệ số điều chỉnh 0,8 không: Các Ban quản lý dự án chuyên ngành trực tiếp quản lý dự án do mình làm chủ đầu tư; Chủ đầu tư giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện quản lý dự án, không ký kết hợp đồng.

Trả lời:

Bộ Xây dựng trả lời vấn đề này như sau:

Tại Chương III Văn bản kèm theo Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng có ban hành rõ hướng dẫn áp dụng trong công tác thi công cọc, đóng, ép cọc ván thép, cọc cừ Larsen, cọc ống thép, cọc thép hình. Trong đó phần cọc không ngập đất được quy định hệ số điều chỉnh so với định mức thi công tương ứng.

Trường hợp chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân và sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện năng lực trực tiếp quản lý dự án, chi phí quản lý dự án được xác định theo định mức ban hành tại bảng số 1.1 của Phụ lục 1 Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng nhân với hệ số điều chỉnh $k = 0,8$.

Trường hợp Ban quản lý chuyên ngành trực thuộc UBND cấp tỉnh, huyện được thành lập theo NĐ số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/5/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của chủ đầu tư trực tiếp tổ chức quản lý thực hiện các dự án được giao thì chi phí quản lý dự án được xác định theo bảng số 1.1 Phụ lục 1 Thông tư số 16/2019/TT-BXD, với hệ số điều chỉnh $k = 1$.

HỎI ĐÁP

7. Hỏi:

Tính đến ngày 31/12/2019, Công ty tôi có số nợ thuế gần 400 triệu đồng, tuy vậy khoản thuế này được Chi cục thuế Quận Bình Thạnh, TPHCM xác nhận “không phải đóng tiền phạt chậm nộp thuế” vì lý do 1 đơn vị sử dụng vốn NSNN chưa thanh toán khoản nợ cho Công ty. Việc không tính tiền phạt chậm nộp thuế này được Chi cục thuế Quận Bình Thạnh căn cứ theo quy định tại Khoản 10 Điều 2 của Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính. Trong hồ sơ mời thầu của một số gói thầu có quy định Nhà thầu phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Công ty hiểu rằng, quy định này chỉ có ý nghĩa đánh giá tình trạng tài chính lành mạnh của Nhà thầu. Công ty hỏi tình trạng được giãn nộp thuế của Công ty vì lý do chính đáng như đã đề cập ở trên thì có bị xem là không đáp ứng của hồ sơ mời thầu không?

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Khi tham dự thầu, nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành của các năm theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây: (i) biên bản kiểm tra quyết toán thuế; (ii) tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai; (iii) tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử; (iv) văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế; (v) báo cáo kiểm toán (nếu có) theo quy định tại Mục 2.1 Chương III và Mẫu số 10 Chương IV Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT.

Theo đó, pháp luật về đấu thầu không có quy định yêu cầu nhà thầu phải có xác nhận của cơ quan quản lý thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc xác nhận không nợ đọng thuế (việc xác nhận của cơ quan quản lý thuế (nếu có) là về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế).

Đối với trường hợp của Công ty, việc đánh giá HSDT (bao gồm cả nội dung về thực hiện nghĩa vụ thuế) phải tuân thủ theo hướng dẫn nêu trên và thuộc trách nhiệm của tổ chuyên gia, bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu có nợ đọng thuế nhưng trong HSDT của nhà thầu đã đính kèm văn bản của cơ quan quản lý thuế xác nhận nguyên nhân nợ đọng thì bên mời thầu cần xác minh, làm rõ với cơ quan thuế trong trường hợp này để có cơ sở đánh giá cho phù hợp.

HỎI ĐÁP

8. Hỏi:

Trường hợp người lao động làm việc tại Công ty tôi, đến tháng 10/2019 điều chuyển về Tổng công ty thì khi kê khai thuế thu nhập cá nhân (TNCN) tôi có cần kê người đó vào Phụ lục 05.1-BK-QTT-TNCN hay không, các chỉ tiêu 32, 35 tôi sẽ kê khai như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Tiết b.2 Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính

Căn cứ Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế GTGT và thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế TNCN quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH12 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế

Căn cứ Khoản 1 Điều 21 sửa đổi, bổ sung Tiết a.3 Điểm a Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC quy định khai thuế, nộp thuế TNCN

Tại Khoản 7 Điều 24 sửa đổi, bổ sung các mẫu biểu, tờ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh và mẫu biểu, tờ khai thuế TNCN

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp người lao động làm việc tại Công ty của bà Liên đến tháng 10/2019 điều chuyển về Công ty khác, nếu Công ty đã khấu trừ thuế TNCN của người lao động theo biểu thuế lũy tiến từng phần thì khi quyết toán thuế TNCN của năm 2019, Công ty khai vào bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN.

Khi tổng hợp trên Tờ khai 05/QTT-TNCN, Công ty kê khai như sau:

- Tại chỉ tiêu [32]: Kê khai tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế.
- Tại chỉ tiêu [35]: Kê khai số thuế TNCN đã khấu trừ

HỎI ĐÁP

9. Hỏi:

Công ty tôi đầu tư dự án nhóm B. Căn cứ KH lựa chọn nhà thầu do HĐQT phê duyệt, công ty tôi lựa chọn nhà thầu kiểm toán từ tháng 6/2019, hình thức LCNT: đấu thầu rộng rãi, và đã ký kết hợp đồng, hình thức hợp đồng trọn gói, phí kiểm toán tính theo Thông tư số 64/2018/TT-BTC. Nay Bộ tài chính ban hành Thông tư 10/2020/TT-BTC, có hiệu lực từ 10/4/2020 đã thay đổi cách tính phí kiểm toán và định mức phí kiểm toán. Như vậy chúng tôi có phải ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá phí kiểm toán theo Thông tư 10/TT-BTC hay không?

Trả lời:

Tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.

Nội dung câu hỏi của độc giả không nêu rõ nguồn vốn của dự án đầu tư. Do đó, trường hợp dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 10/2020/TT-BTC thì thực hiện chi phí kiểm toán độc lập theo quy định chuyển tiếp tại Điều 26 Thông tư số 10/2020/TT-BTC (hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/4/2020) quy định như sau:

“Dự án, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập đã nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành về cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và các hợp đồng kiểm toán độc lập đã ký trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.”

Theo quy định nêu trên, các hợp đồng kiểm toán đã ký kết trước thời điểm Thông tư có hiệu lực được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Công văn số: 30300/CT-TTHT ngày 5 tháng 5 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc xác định chi phí được trừ đối với khoản tiền thuê nhà.

Trả lời công văn số 2/VLBV ngày 17/4/2020 của Viện chuyên ngành vật liệu xây dựng và bảo vệ công trình hỏi về chi phí được trừ đối với khoản tiền thuê nhà. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính quy định việc khấu trừ thuế đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khai thuế, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê tài sản.
- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) quy định các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Việc thanh toán không dùng tiền mặt chỉ áp dụng trong trường hợp khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT). Trường hợp Viện chuyên ngành vật liệu xây dựng và bảo vệ công trình thuê nhà của cá nhân để làm văn phòng thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản và chứng từ trả tiền thuê tài sản. Cá nhân cho thuê tài sản không phải lập hóa đơn trong trường hợp này.

Trường hợp tại hợp đồng thỏa thuận Viện chuyên ngành vật liệu xây dựng và bảo vệ công trình nộp thuế thay cho cá nhân thì tổng số tiền thuê nhà bao gồm cả phần thuế nộp thay cho cá nhân được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN.

2. Công văn số: 33313/CT-TTHT ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc ưu đãi thuế TNDN đối với lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Trả lời công văn số 02.AC.20 ngày 14/4/2020 của Công ty TNHH Summit Auto Seats Industry (Hà Nội) bổ sung thông tin tài liệu cho công văn số 01.AC.20 ngày 25/3/2020 hỏi về ưu đãi thuế TNDN đối với khoản lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ quy định trên, nếu năm 2019 Công ty TNHH Summit Auto Seats Industry (Hà Nội) đang được hưởng ưu đãi TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi (bao gồm cả lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phát sinh trên địa bàn ưu đãi) trừ các khoản thu nhập nêu tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

3. Công văn số 1929/TCT-CS ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Tổng cục Thuế về việc hóa đơn.

Trả lời công văn số 750/CT-TTKT3 ngày 9/4/2019 của Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi, công văn số 1661/CT-TTKT ngày 11/9/2019 của Cục Thuế tỉnh Quảng Trị và công văn số 70/TC-KT ngày 28/2/2019 của Công ty LILAMA45.3 về thuế giá trị gia tăng đối với nhà thầu thực hiện dự án thủy điện tại Lào, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau: Trường hợp công ty LILAMA45.3 ký hợp đồng kinh tế với Công ty CP Sông Cầu để thi công hạng mục Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công và đường ống áp lực - Dự án nhà máy Thủy điện TAD CHIAD huyện Paksong, tỉnh Champasak, CHND Lào: Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện thanh tra thuế và đã xác định phần giá trị thiết bị Công ty CP LILAMA45.3 chế tạo trong nước sau đó cung cấp cho Công ty CP Sông Cầu vận chuyển sang Lào để lắp đặt không đáp ứng điều kiện đối với trường hợp hàng hóa được coi như xuất khẩu được quy định tại Khoản 3 Điều 17 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nên không đủ điều kiện áp dụng thuế suất 0% theo quy định trên.

Trường hợp còn phát sinh phần khối lượng hoàn thành hạng mục công trình, nếu Công ty CP LILAMA45.3 chưa xuất hóa đơn cho khách hàng thì thực hiện xuất hóa đơn theo quy định.

4. Công văn số 1986/TCT-PC ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tổng cục Thuế về việc thời điểm xác định thuế GTGT, tính giá vốn cho hoạt động chuyển nhượng BĐS đối với dự án khu đô thị mới ven Sông Hạc

Công ty TNHH Tập đoàn Bất động sản Đông Á có 2 hoạt động sản xuất kinh doanh là:

- Hoạt động thứ nhất là: Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng. Công ty thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của dự án Khu đô thị mới ven Sông Hạc để đổi lấy quyền sử dụng đất.

- Hoạt động thứ hai là: Hoạt động chuyển nhượng BĐS. Khi nhà đầu tư nhận được quyền sử dụng của Nhà nước và Công ty chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho tổ chức và cá nhân.

Hai hoạt động trên, Công ty phải kê khai, nộp thuế riêng cho từng hoạt động.

Trong quá trình đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, Công ty TNHH Tập đoàn bất động sản Đông Á đã được các cơ quan chức năng của tỉnh thực hiện thanh toán theo tiến độ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng quyền sử dụng đất thì Công ty phải lập hóa đơn, kê khai thuế GTGT cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại thời điểm mà Công ty nhận bàn giao quyền sử dụng đất tương ứng. Đề nghị Văn phòng Luật sư liên hệ với các cơ quan chức năng của tỉnh Thanh Hóa để xác định các hồ sơ liên quan đến việc Nhà nước thanh toán cho Công ty bằng quyền sử dụng đất.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

5. Công văn số: 36760/CT-TTHT ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc áp dụng Hiệp định đối với cá nhân người Nhật Bản làm việc tại Việt Nam.

Trả lời công văn số VT-TNCN-150420 ngày 15/04/2020 của Công ty TNHH Kanaden Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) hỏi về thuế TNCN đối với cá nhân nước ngoài, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

1. Trường hợp Ông Yuji Suzuki là cá nhân người Nhật Bản được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Công ty TNHH Kanaden Việt Nam nhưng là cá nhân không cư trú tại Việt Nam, nếu đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 15 Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương tiền công phát sinh tại Việt Nam, Ông Yuji Suzuki lập hồ sơ thông báo miễn giảm thuế theo quy định tại khoản 13 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính gửi cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

2. Trường hợp Ông Toshihiro Matsuda là cá nhân người Nhật Bản sang làm việc tại Việt Nam từ ngày 03/09/2019, tính đến ngày 31/12/2019 có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày nhưng có hợp đồng thuê nhà 1 năm thì thuộc đối tượng cư trú tại Việt Nam trong năm tính thuế đầu tiên (tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam) theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 1 và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính. Ông Toshihiro Matsuda phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương tiền công làm việc tại Việt Nam

(không phân biệt nơi chi trả thu nhập) chỉ trả theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 31 Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính.

6. Công văn số: 5977/BTC-TCT ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị định số 41/2020/NĐ-CP.

Ngày 8/4/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuế đất. Nghị định số 41/2020/NĐ-CP đã quy định chi tiết đối tượng áp dụng đối với việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuế đất cho các đối tượng bị ảnh hưởng của dịch Covid-19; Nghị định cũng đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục gia hạn và hồ sơ. Nghị định số 41/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và không cần Thông tư hướng dẫn.

Nhằm kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh do tác động của dịch Covid-19, Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai Nghị định số 41/2020/NĐ-CP. Trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính xin lưu ý nội dung liên quan đến gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và thuế giá trị gia tăng (GTGT) tại Điều 3 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP như sau:

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Gia hạn nộp thuế TNDN

a) Số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 được gia hạn không bao gồm số thuế TNDN tạm nộp theo quý quy định tại Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ và Điều 17 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính. Theo đó, số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 tối đa bằng 20% tổng số thuế phải nộp cả năm theo quyết toán.

b) Trường hợp doanh nghiệp có kỳ tính thuế TNDN theo năm tài chính không trùng năm dương lịch thì thời hạn nộp thuế được gia hạn xác định phù hợp với kỳ tính thuế TNDN của doanh nghiệp.

c) Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ quyết toán thuế TNDN năm 2019 theo quy định của Luật Quản lý thuế làm tăng số thuế TNDN phải nộp và gửi đến cơ quan thuế trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn xác định theo nguyên tắc tại điểm a nêu trên, trong đó số thuế phải nộp cả năm theo quyết toán căn cứ vào hồ sơ khai bổ sung.

đ) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra quyết toán thuế TNDN năm 2019 và ban hành kết luận trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn nộp thuế thì tổng số thuế được gia hạn (theo hồ sơ quyết toán doanh nghiệp tự khai và phần tăng thêm qua thanh tra kiểm tra) được xác định theo nguyên tắc tại điểm a nêu trên, trong đó số thuế phải nộp cả năm theo quyết toán căn cứ vào kết quả thanh tra, kiểm tra. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc

thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN của kỳ tính thuế năm 2019.

2. Gia hạn nộp thuế GTGT

a) Doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng được gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất quy định tại Điều 2 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP được gia hạn số thuế GTGT phải nộp quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP bao gồm số thuế GTGT tại trụ sở chính và số thuế GTGT phải nộp tại địa phương nơi có hoạt động kinh doanh xây dựng vướng lại ngoại tỉnh, xây dựng công trình liên tỉnh.

b) Kho bạc nhà nước chưa thực hiện khấu trừ thuế GTGT (trong thời gian gia hạn) trên số tiền thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các khoản thanh toán từ nguồn ngân sách nhà nước cho các công trình xây dựng cơ bản của các dự án sử dụng vốn ODA thuộc diện chịu thuế GTGT đối với trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT.

Bộ Tài chính kính đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quan tâm - chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc lĩnh vực, địa bàn phụ trách phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế để triển khai thực hiện Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của chính phủ, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị gửi Bộ Tài chính để giải quyết./.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

7. Công văn số 39569/CT-TTHT ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc sử dụng hóa đơn điện tử.

Trả lời công văn không số ngày 12/5/2020 của Công ty TNHH Tiong Nam Logistic Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) về việc đề nghị được sử dụng hóa đơn điện tử khi đang sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 35 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ.
- Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành, sử dụng và quản lý hoá đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ các quy định trên, Công ty đã sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế từ tháng 04/2017 (đến nay hết thời hạn 12 tháng). Trường hợp Công ty đáp ứng các điều kiện của tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính thì được sử dụng hóa đơn điện tử. Trước khi sử dụng đề nghị Công ty thực hiện Thông báo phát hành hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Công ty phải dừng sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn điện tử và thực hiện hủy hóa đơn mua của cơ quan thuế không tiếp tục sử dụng theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Công ty có trách nhiệm nộp Báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn theo tháng từ ngày đầu tháng đến hết ngày dừng sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế và chuyển sang nộp Báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn theo quý cho cơ quan thuế kể từ ngày kế tiếp theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 39/2014/TT-BTC nêu trên.

Công ty TNHH Tiong Nam Logistic Việt Nam phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của việc khởi tạo, lập và sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định.

8. Công văn số 40838/CT-TTHT ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc lập hồ sơ giao dịch liên kết.

Trả lời công văn số 21/2020/DWVN-CV đề ngày 04/05/2020 của Công ty TNHH Deawoo engineering&construction Việt Nam (sau đây gọi tắt là công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính Phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế và không bên nào

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế thì Công ty được miễn lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định 20/2017/NĐ-CP nhưng phải kê khai căn cứ miễn trừ tại mục I, mục II tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP nêu trên.

9. Công văn số 40840/CT-TTHT ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn chính sách thuế đối với chương trình khuyến mại.

Trả lời công văn số 200805/KT ngày 08/05/2020 của Công ty cổ phần Diana Unicharm vướng mắc về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT.

- Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

- Trường hợp Công ty cổ phần Diana Unicharm ủy quyền cho nhà phân phối thực hiện chương trình khuyến mại cho khách hàng “mua hàng X tặng hàng Y” theo đúng quy định của pháp luật về thương mại thì khi tặng hàng khuyến mại cho khách hàng, nhà phân phối thực hiện lập hóa đơn, trên hoá đơn ghi tên và số lượng hàng hoá, ghi rõ là hàng khuyến mại và giá tính thuế GTGT bằng (0).

- Trường hợp Công ty cổ phần Diana Unicharm thanh toán cho nhà phân phối giá trị hàng hóa thực hiện chương trình khuyến mại thì khi nhận khoản thanh toán, nhà phân phối phải lập hóa đơn GTGT và tính thuế GTGT theo thuế suất 10% nếu nhà phân phối là người nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hoặc sử dụng hóa đơn bán hàng và xác định số thuế phải nộp theo tỷ lệ (%) trên doanh thu theo quy định nếu nhà phân phối là người nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT.

- Đối với khoản chi khuyến mại mà Công ty cổ phần Diana Unicharm thanh toán cho nhà phân phối nếu đáp ứng quy định Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính thì Công ty được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

- | | |
|---------|--|
| 19 | Mục đích kết chuyển lãi lỗ đầu năm để làm gì? Tại sao phải làm vậy? |
| 20 - 21 | Hướng dẫn Hạch toán kế toán sau khi thanh kiểm tra thuế. |
| 22 - 23 | Mẹo quyết toán thuế TNDN mà kế toán cần nắm chắc trong lòng bàn tay. |



Mục đích kết chuyển lãi lỗ đầu năm để làm gì? Tại sao phải làm vậy?

Nghiệp vụ kết chuyển lãi lỗ đầu năm nhằm mục đích gì? Đọc bài này các bạn sẽ rõ nghiệp vụ Nợ 4212 Có 4211 hoặc Nợ 4211 Có 4212 được thực hiện đầu năm để làm gì.

Ví dụ: Bút toán kết chuyển đầu năm như sau Nợ 4212 Có 4211 (Chuyển lãi đầu năm). Hoặc Nợ 4211 Có 4212 (Chuyển lỗ đầu năm).

Mục đích là để Tài khoản 4212 (Tên là Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay). Nó chỉ phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay (Tức là lợi hoặc lỗ của năm hiện hành). Ví dụ năm 2019 trên Báo cáo kết quả kinh doanh lãi sau thuế là 100 triệu thì số dư của tài khoản 4212 cuối năm 2019 là 100 triệu.

Lưu ý:

Nếu các bạn không làm nghiệp vụ kết chuyển lãi lỗ đầu năm thì điều gì sẽ xảy ra. Lúc này làm cho người đọc bảng cân đối kế toán năm hiện hành sẽ hiểu nhầm tại chỉ tiêu 421b (Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này) trên bảng cân đối kế toán.

Còn Tài khoản 4211 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước: Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước. Tài khoản 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện.

Ví dụ: Để cho các bạn dễ hình dung về cách ghi nhận bút toán kết chuyển lãi lỗ đầu năm của tài khoản 4212 và 4211 qua 3 năm liên tục:

Công ty hoạt động năm 2017 là năm đầu tiên và có lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh chỉ tiêu 60 là 100 triệu. Tức là trong năm có nghiệp vụ Nợ 911 Có 4212 là: 100 triệu

Năm 2018 lỗ sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh chỉ tiêu 60 đang âm là 30 triệu. Tức là trong năm 2018 có nghiệp vụ Nợ 4212 Có 911: 30 triệu

Năm 2019 Công ty lãi sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh chỉ tiêu 60 là 200 triệu. Tức là Trong năm có nghiệp vụ Nợ 911 Có 4212 là: 200 triệu

Vậy tổng cộng lợi nhuận sau thuế từ 2017 đến 2019 là $(100 - 30 + 200 = 270)$ triệu). Hãy hạch toán từng tài khoản 4211 và 4212 qua các năm cho các bạn dễ hình dung.

Hướng dẫn Hạch toán kế toán sau khi thanh kiểm tra thuế.

Căn cứ chuẩn mực kế toán 17, Căn cứ chuẩn mực kế toán số 29, Căn Trường hợp sau khi cơ quan thuế thanh kiểm tra xong, có quyết định phạt và truy thu thuế thì anh chị em hạch toán như sau:

A. Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

1. Phản ánh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

Nợ Tài khoản: 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Có Tài khoản: 3334: Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

2. Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vào ngân sách nhà nước:

Nợ Tài khoản 3334: Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Có Tài khoản 111/112: Tiền mặt/Tiền ngân hàng.

B. Truy thu thuế giá trị gia tăng.

1. Phản ánh thuế giá trị gia tăng truy thu bổ xung:

Nợ Tài khoản: 811: chi phí khác

Có Tài khoản: 3331: Thuế giá trị gia tăng phải nộp.

2. Nộp thuế giá trị gia tăng vào ngân sách nhà nước:

Nợ Tài khoản: 3331: Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Có tài khoản: 111/112: Tiền mặt/Tiền ngân hàng

C. Truy thu thuế thu nhập cá nhân.

1. Phản ánh thuế thu nhập cá nhân truy thu bổ sung:

Nợ Tài khoản: 811: Chi phí khác

Có Tài khoản: 3335: Thuế thu nhập cá nhân phải nộp.

2. **Nộp thuế thu nhập cá nhân vào ngân sách nhà nước:**

Nợ Tài khoản: 3335: Thuế thu nhập cá nhân phải nộp

Có Tài khoản: 111/112: Tiền mặt/Tiền gửi ngân hàng.

D. **Tiền phạt tiền chậm nộp.**

1. **Phản ánh tiền phạt, tiền chậm nộp:**

Nợ Tài khoản: 811: Chi phí khác

Có Tài khoản: 3339: Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác.

2. **Nộp tiền phạt, chậm nộp vào ngân sách nhà nước:**

Nợ Tài khoản: 3339: phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Có Tài khoản: 111/112: Tiền mặt/ Tiền ngân hàng.

E. **Điều chỉnh tăng, giảm tiền thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.**

1. **Điều chỉnh tăng thuế giá trị gia tăng được khấu trừ:**

Gõ vào chỉ tiêu 38 của tờ khai hiện hành (Số tiền thuế giá trị gia tăng điều chỉnh tăng theo quyết định thanh kiểm tra)

2. **Điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ:**

Gõ vào chỉ tiêu 37 của tờ khai hiện hành (số tiền thuế giá trị gia tăng điều chỉnh giảm theo quyết định thanh kiểm tra)

Lưu ý:

- Chi phí các khoản thuế, phạt này vẫn kết chuyển tính kết quả kinh doanh bình thường, nhưng khi lập tờ khai quyết toán thuế TNDN thì gõ vào chỉ tiêu B4.

- Trong trường hợp không ảnh hưởng anh chị có thể dùng Tài khoản 4211 để hạch toán nhu một vài có quan thuế đã hướng dẫn, tuy nhiên cần xem xét tính chất của kế toán, kéo ảnh hưởng mà không biết.

Mẹo quyết toán thuế TNDN mà kế toán cần nắm chắc trong lòng bàn tay.

Quyết toán thuế TNDN, khâu làm việc vô cùng quan trọng của các kế toán viên. Chính vì thế nên kế toán cần bỏ túi những mẹo trong quá trình quyết toán Thuế để đảm bảo được tính chính xác khi quyết toán.

Trước khi quyết toán thuế TNDN cần đối chiếu TK 344 trên BCTC

Kế toán viên cần phải đối chiếu các số liệu tài khoản 344 trong sổ cái. Đối chiếu với bảng cân đối phát sinh và bảng lương của doanh nghiệp. Khi đối chiếu, kế toán viên cần phải đảm bảo được những vấn đề như sau:

- Số dư nợ đầu kỳ được ghi trong TK 344 trong sổ cái và số nợ đầu kỳ trong tài khoản 344 được ghi ở trong bảng cân đối phát sinh doanh nghiệp phải bằng nhau.
- Khi cộng số phát sinh Có của TK 344 ghi trong sổ cái và tổng số phát sinh Có trong TK 344 ghi trong bảng cân đối phát sinh. Khi cộng hai dữ liệu này vào, tổng của nó phải bằng với tổng số thu nhập được ghi ở trong Bảng lương các kỳ.
- Khi cộng các khoản đã thanh toán, tạm ứng và các khoản giảm trừ. Tổng của các khoản này bằng tổng số phát sinh Nợ của TK 344 được ghi ở trong sổ cái.
- Tổng số dư Có cuối kỳ của TK 344 trên sổ cái và cả trong bảng cân đối phát sinh phải bằng nhau.
- Các bút toán định khoản tiền lương phải khớp với sổ sách kế toán.

Kiểm tra các giấy tờ chi phí của NLĐ trước khi quyết toán thuế TNDN.

Khi doanh nghiệp muốn tiến hành chứng minh các khoản tiền lương, tiền thưởng cho người lao động. Doanh nghiệp cần phải có các chứng từ như sau:

- Chứng minh Nhân dân và hợp đồng lao động của người lao động
- Bảng chấm công của doanh nghiệp dành cho người lao động hàng tháng
- Bảng tính lương dành cho người lao động hàng tháng
- Bảng ghi chép và thanh toán tiền lương làm thêm giờ cho người lao động hàng tháng
- Trong trường hợp DN thanh toán tiền lương cho người lao động bằng tiền gửi ngân hàng. Doanh nghiệp cần phải chuẩn bị phiếu thanh toán lương hoặc chứng từ ngân hàng thanh toán tiền lương.

- Danh sách toàn bộ những người lao động đã được đăng ký mã số thuế cá nhân
 - Quy chế về tài chính của doanh nghiệp và các thỏa ước lao động giữa người lao động và doanh nghiệp
- Đối với toàn bộ các giấy tờ và chứng từ trên, lưu ý cần phải có đầy đủ chữ ký trong chứng từ.
- Đối với các tờ khai, kế toán viên cần chuẩn bị những tờ khai như sau:
- Tờ khai để quyết toán thuế TNCN vào thời điểm cuối năm
 - Trong trường hợp phát sinh Thuế TNCN vào thời điểm hàng tháng hoặc quý. Cần phải có tờ khai thuế TNCN vào thời điểm tháng hoặc quý
 - Các chứng từ liên quan đến quá trình nộp thuế thu nhập cá nhân.

Chú ý đến các khoản thanh toán cho người lao động

Khi doanh nghiệp thực hiện quyết toán thuế TNDN, kế toán viên cần phải lưu ý đến một số những khoản thanh toán cho người lao động. Cụ thể như sau:

- Đối với những người lao động có hợp đồng lao động dưới 3 tháng. Mỗi tháng, mức thu nhập của những người lao động này trên 2 triệu đồng. Như vậy, kế toán phải lưu ý khấu trừ 10% tiền lương vào trong thuế TNCN của người lao động đó.
- Một số những trường hợp mà doanh nghiệp sẽ không cần phải khấu trừ 10% thuế TNCN. Bao gồm những trường hợp như sau:
- Mỗi lần doanh nghiệp thanh toán tiền lương cho người lao động dưới 2 triệu đồng
- Người lao động chỉ có thu nhập duy nhất ở một địa điểm. Người này đã được cấp mã số thuế và hơn nữa đã làm bản cam kết với mẫu 02.
- Đối với người làm việc dưới 3 tháng, doanh nghiệp sẽ chỉ được ký tối đa 2 lần.
- Trong trường hợp cả năm mà doanh nghiệp không có trường hợp người lao động nào phải nộp thuế TNCN. Nhưng đến cuối năm, kế toán viên vẫn cần phải quyết toán thuế TNCN cho những đối tượng lao động này.

Trong trường hợp người lao động ký kết hợp đồng dài hạn. Doanh nghiệp cần phải thực hiện ký kết và nộp phí Bảo hiểm cho những người này.

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- | | |
|----|---|
| 25 | Thông tư số:22/2020/TT-BTC ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính. |
| 25 | Thông tư số:28/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính. |
| 26 | Thông tư số:34/2020/TT-BTC ngày 5 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính. |



Thông tư số:22/2020/TT-BTC ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Ngày 10/04/2020 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 22/2020/TT-BTC Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 26/5/2020.

Theo đó, mức thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này, đơn cử:

- Phí khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên đề môi trường tỷ lệ 1/250.000, 1/500.000, 1/1.000.000 là 9.145.000 đồng/mảnh.
- Phí khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên đề môi trường tỷ lệ 1/10.000 là 975.000 đồng/mảnh.
- Phí khai thác và sử dụng dữ liệu kết quả quan trắc môi trường không khí tại hiện trường, tiếng ồn, độ rung là 21.000 đồng/thông số.
- Phí khai thác và sử dụng dữ liệu kết quả quan trắc môi trường nước mặt lục địa tại hiện trường là 17.000 đồng/thông số...

Lưu ý: Mức phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường kể từ ngày 26/5/2020 đến hết ngày 31/12/2020 bằng 70% mức quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư 22/2020/TT-BTC.

Thông tư số:28/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Ngày 17/04/2020 Bộ Tài chính ban hành thông tư số 28/2020/TT-BTC về việc Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm và tài chính ngân hàng.

Cụ thể, Bộ Tài chính quyết định bãi bỏ toàn bộ 09 văn bản quy phạm pháp luật thuộc 03 nhóm lĩnh vực sau đây:

Thứ nhất, lĩnh vực chứng khoán gồm 01 văn bản: Thông tư 194/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng đóng.

Thứ hai, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm gồm 06 văn bản: Thông tư 91/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi mức thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; Quyết định 99/2005/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy tắc, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của người kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa dễ cháy và dễ nổ trên đường thủy nội địa;...

Thứ ba, lĩnh vực tài chính ngân hàng gồm 02 văn bản: Thông tư 105/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý rủi ro vốn tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước; Thông tư 35/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 75/2011/NĐ-CP ngày 30/08/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 02/06/2020.

Thông tư này làm hết hiệu lực:

- Thông tư 105/2007/TT-BTC hướng dẫn xử lý rủi ro vốn tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.
- Thông tư 194/2009/TT-BTC hướng dẫn chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng đóng.
- Thông tư 99/2011/TT-BTC hướng dẫn quản lý tài chính đối với việc thực hiện thí điểm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu.

...

Thông tư số: 34/2020/TT-BTC ngày 5 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Ngày 5 tháng 5 năm 2020 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số: 34/2020/TT-BTC Quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng.

Theo đó, từ 05/5 – 31/12/2020, giảm 50% mức thu đối với nhiều loại phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng so với quy định tại Thông tư 172/2016, Thông tư 209/2016 và Thông tư 210/2016 của Bộ Tài chính; đơn cử:

- Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu cho tổ chức: 500.000 đồng/chứng chỉ (mức trước điều chỉnh là 1.000.000 đồng/chứng chỉ);
- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu cho cá nhân: 150.000 đồng/chứng chỉ (mức trước điều chỉnh là 300.000 đồng/chứng chỉ);

Kể từ ngày 01/01/2021 trở đi, mức thu các loại phí, lệ phí nêu trên được áp dụng theo quy định hiện hành tại Thông tư 172/2016, Thông tư 209/2016 và Thông tư 210/2016 của Bộ Tài chính.

Thông tư 34/2020/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 05/05/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 06/2020

28	Nghị định
29 – 30	Thông tư
31	Quyết định



NGHỊ ĐỊNH

STT	Tên Văn Bản	Ngày
1	Nghị định 48/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn	BH: 15/04/2020 HL: 01/06/2020
2	Nghị định 46/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN để thực hiện Nghị định thư 7 về Hệ thống quá cảnh Hải quan	BH: 09/04/2020 HL: 01/06/2020
3	Nghị định 44/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại	BH: 08/04/2020 HL: 01/06/2020
4	Nghị định 42/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa	BH: 08/04/2020 HL: 01/06/2020
5	Nghị định 52/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn	BH: 27/04/2020 HL: 15/06/2020
6	Nghị định 50/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai	BH: 20/04/2020 HL: 15/06/2020
7	Nghị định 49/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án Hình sự về tái hòa nhập cộng đồng	BH: 17/04/2020 HL: 15/06/2020

THÔNG TƯ

STT	Tên Văn Bản	Ngày
1	Thông tư 32/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về tiêu chuẩn các cơ sở đào tạo, nghiên cứu được tổ chức bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp	BH: 30/12/2019 HL: 01/06/2020
2	Thông tư 30/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tổ tụng hình sự và Nghị định 97/2019/NĐ-CP ngày 23/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 30/2018/NĐ-CP	BH: 17/04/2020 HL: 01/06/2020
3	Thông tư 25/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính	BH: 14/04/2020 HL: 01/06/2020
4	Thông tư 23/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định tạm ứng, vay ngân quỹ Nhà nước của ngân sách Nhà nước	BH: 13/04/2020 HL: 01/06/2020
5	Thông tư 28/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm và tài chính ngân hàng	BH: 17/04/2020 HL: 02/06/2020
6	Thông tư 01/2020/TT-BNV của Bộ Nội vụ về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	BH: 16/04/2020 HL: 15/06/2020

STT	Tên Văn Bản	Ngày
7	Thông tư 06/2020/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Thông tư 10/2019/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam	BH: 24/04/2020 HL: 09/06/2020
8	Thông tư 09/2020/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay	BH: 23/04/2020 HL: 15/06/2020
9	Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	BH: 07/05/2020 HL: 22/06/2020
10	Thông tư 38/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và ngân sách Nhà nước	BH: 12/05/2020 HL: 26/06/2020
11	Thông tư 7/2020/TT-BYT của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế	BH: 14/05/2020 HL: 28/06/2020
12	Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên	BH: 14/05/2020 HL: 29/06/2020
13	Thông tư 09/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về lộ trình áp dụng cửa khẩu nhập khẩu, xuất khẩu đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan	BH: 14/05/2020 HL: 30/06/2020

QUYẾT ĐỊNH

STT	Tên Văn Bản	Ngày
1	Quyết định 750/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông	BH: 29/04/2020 HL: 01/06/2020
2	Quyết định 14/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	BH: 08/04/2020 HL: 01/06/2020
3	Thông tư 29/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công	BH: 17/04/2020 HL: 02/06/2020
4	Quyết định 949/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông Vận tải	BH: 18/05/2020 HL: 15/06/2020

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc văn phòng
VG Building, số 235
Nguyễn Trãi, Thanh
Xuân, TP. Hà Nội.

Phone: 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hoang
Anh Safomec, 7/1 Thanh
Thai, P.14, Q.10, TP. Hồ
Chí Minh, Việt Nam

Phone: 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, P Trần Hưng Đạo
Q Hoàn Kiếm, TP .Hà
Nội, Việt Nam

Phone: 024 73061268

Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà
Đường Tố Hữu, Q Nam
Tứ Liên, TP. Hà Nội.

Phone: 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

